

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-PT

Ngày 13 - 3 - 2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tông.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Lâm

Bà Lê Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Cao Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Bà Đặng Thị C - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét
xử P thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2017/TLPT-DS, ngày 08 tháng 11 năm
2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

Do bản án sơ thẩm số 58/2017/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa
án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử P thẩm số: 02/2018/QĐ-PT ngày 23
tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mỹ C, **sinh năm: 1983**; địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã
B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Dương Nghĩa S, **sinh năm: 1977**; địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã
B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan:*

1. Quý tín dụng nhân dân H huyện G; địa chỉ: Quốc lộ 22B, xã H, huyện
G, tỉnh Tây Ninh. Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Thanh H; chức vụ
giám đốc (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị S1; sinh năm: 1940; địa chỉ ấp L, xã L, Huyện D, tỉnh
Tây Ninh (vắng mặt).

3. Chị Lê Thị Mỹ D; sinh năm: 1975; địa chỉ ấp L, xã L, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Thị P; sinh năm: 1970; địa chỉ: ấp 3, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

5. Chị Dương Thị Lệ T; sinh năm: 1970; địa chỉ: Ấp L, xã L, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

6. Chị Dương Thị Thu Tr; sinh năm: 1971 địa chỉ: ấp 3, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

7. Ông Dương Văn Th; sinh năm: 1943 và bà Nguyễn Thị Kim L; sinh năm: 1943; địa chỉ: Tổ 6, ấp 3, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Chị Lê Thị Mỹ C là nguyên đơn, anh Dương Nghĩa S là bị đơn trong vụ án.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 6 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ C trình bày:

Chị và anh Dương Nghĩa S chung sống từ năm 2004, có đăng ký kết hôn ngày 27/10/2004 tại UBND xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị làm dâu bên nhà chồng cho nên trong cuộc sống hàng ngày cha chồng là ông Dương Văn Th khó khăn nên chị không thể chung sống được, những lúc như vậy chị có nói với anh S nhưng anh S không lo và chia sẻ với chị mà bỏ đi không quan T, đến đầu năm 2015 chị tự bỏ nhà đi về cha mẹ ruột ở Lộc Ninh sinh sống cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu ly hôn anh Dương Nghĩa S.

Về con chung: Có 02 con chung Dương Trọng K, sinh ngày 24/02/2005 và Dương Trọng K1, sinh ngày 18/8/2006, hiện con đang ở với anh S, chị yêu cầu nuôi con Dương Trọng K, anh S nuôi con Dương Trọng K1, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung gồm có:

- 01 phần đất gồm diện tích 149,7 m² trên đất có căn nhà cấp 4 thuộc thửa 337, tờ bản đồ số 14, tọa lạc Ấp 3, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- 01 phần đất rẫy gồm diện tích 10.399 m², (đo đạc thực tế là 10.018,2m²) thuộc thửa 200, tờ bản đồ số 5, tọa lạc Ấp 3, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Trên đất đang trồng 400 cây cao su 10 năm tuổi.

Các phần đất trên do chị C và anh S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các tài sản khác chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại Tòa hôm nay chị yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nhà và đất nêu trên.

Về nợ:

Nợ riêng như sau: Nợ bà Nguyễn Thị S1 số tiền 18.000.000 đồng; nợ chị Lê Thị Mỹ D số tiền 26.000.000 đồng.

Nợ chung: Nợ Quỹ tín dụng nhân dân H huyện G số tiền 15.000.000 đồng.

Bị đơn anh Dương Nghĩa S trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị C về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh nghe mọi người nói chị C quen người khác nhưng anh không có bắt gặp được, đến ngày 11/3/ 2015 thì chị C tự bỏ nhà đi về ba mẹ ruột ở Lộc Ninh cho đến nay, khi chị C bỏ nhà đi thì anh có qua năn nỉ chị C về để chung sống lo cho các con nhưng chị C không về, anh chị bất đồng quan điểm như chị C trình bày là đúng. Nay chị C xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung Dương Trọng K; sinh ngày 24/02/2005 và Dương Trọng K1; sinh ngày 18/8/2006, hiện con đang ở với anh, nay vợ chồng ly hôn anh đồng ý theo quyết định con theo ai người đó nuôi, nếu 02 con chung do anh nuôi dưỡng thì chị C phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung gồm có:

01 phần đất diện tích 149,7 m² trên đất có căn nhà cấp 4 thuộc thửa 337, tờ bản đồ số 14 Ấp 3, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, đây là tài sản do cha mẹ anh làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh và chị C đứng tên nhưng khi đó có làm cho anh chị 01 giấy mua bán đất để các anh em không tranh chấp với nhau, anh và chị C phải có trách nhiệm nuôi dưỡng cha mẹ anh đến lúc tuổi già.

01 phần đất rẫy gồm diện tích 10.399 m² thuộc thửa 200, tờ bản đồ số 5. Anh xác định phần đất này là tài sản riêng anh mua trước khi cưới chị C, sau khi cưới chị C về anh bán vườn trà trên đất để trồng cao su. Nay anh không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu của chị C.

Về nợ:

Nợ riêng như sau: Nợ chị Nguyễn Thị P số tiền 50.000.000 đồng; nợ chị Dương Thị Thu Tr số tiền 20.000.000 đồng; ngày 17/5/1998 anh mượn của chị Dương Thị Lệ T số tiền 30.000.000 đồng để mua 01 phần đất rẫy 10.399 m².

Về nợ chung: Anh chị xác định thống nhất nợ Quỹ tín dụng nhân dân H huyện G số tiền 15.000.000 đồng, mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ khi đến hạn. Ghi

nhận Quỹ tín dụng nhân dân H có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án ly hôn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị S1; chị Lê Thị Mỹ D trình bày xác định đây là nợ riêng với chị C nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Dương Thị Thu Tr; chị Dương Thị Lệ T; chị Nguyễn Thị P trình bày xác định đây là nợ riêng với anh S không yêu cầu giải quyết

Ông Dương Văn Th và bà Nguyễn Thị Kim L không tranh chấp tài sản với chị C, anh S và yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án số 58/2017/DS-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 56, 59, 62, 81, 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Mỹ C đối với anh Dương Nghĩa S.

Chị C, anh S chấm dứt quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Dương Nghĩa S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung Dương Trọng K; sinh ngày 24/02/2005 và Dương Trọng K1; sinh ngày 18/8/2006. Chị C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con Dương Trọng K và Dương Trọng K1 mỗi tháng 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm ngàn đồng)/tháng/2 cháu (mỗi cháu 650.000 đồng/tháng) đến khi cháu K, cháu K1 đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Chị Lê Thị Mỹ C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về tài sản riêng: Không có.

Tài sản Chung:

Anh Dương Nghĩa S được hưởng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 149,7 m² thuộc thửa số 337, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại Ấp 3, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh do anh S và chị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00465 cấp ngày 12/10/2012 trị giá 198.434.800 đồng (một trăm chín mươi tám triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn tám trăm đồng) và căn nhà, tài sản trên đất trị giá 126.766.620 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm hai mươi đồng).

Phân đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp ông Đào Phùng dài 5,5m + 3,5m + 21,95m.

Hướng Tây giáp chị Dương Thị Thu Tr dài 5,5m + 3,5m + 21,95m.

Hướng Nam giáp nương Nông trường cao su Bến Củi dài 5,0m

Hướng Bắc giáp đường đất sét – Bến Củi dài 5,0m

Quyền sử dụng đất diện tích 10.399 m² (đo đạc thực tế là 10.018,2m²) thuộc thửa số 200, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại Ấp 3, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01292 cấp ngày 10/7/2007 và 400 cây cao su trị giá 370.382.200 đồng (ba trăm bảy mươi triệu ba trăm tám mươi hai ngàn hai trăm đồng).

Phần đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa 32 dài 56,07m + 33,8m + 29,16m + 11,63m, suối ông Hùng dài 15,08m + 13,21m + 14,44m.

Hướng Tây giáp thửa 29 dài 106,06m + 25,64m + 30,3m + 30,24m.

Hướng Nam giáp nương dài 25,95m + 5,53m, suối ông Hùng dài 9,49m + 15,61m + 8,63m + 8,71m

Hướng Bắc giáp nương dài 40,26m + 1,66m

Tổng trị giá tài sản anh S được hưởng là 695.583.620 đồng (sáu trăm chín mươi lăm triệu năm trăm tám mươi ba ngàn sáu trăm hai mươi đồng).

Anh S có trách nhiệm giao cho chị C số tiền chênh lệch tài sản được hưởng trị giá là 284.408.500 đồng (hai trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm lẻ tám ngàn năm trăm đồng) và tiền chi phí đo đạc thẩm định giá 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Tổng cộng số tiền là 288.408.500 đồng (hai trăm tám mươi tám triệu bốn trăm lẻ tám ngàn năm trăm đồng).

Các tài sản vật dụng gia đình ghi nhận hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Dương Nghĩa S và chị Lê Thị Mỹ C có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục sang tên theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc, định giá, quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo Luật thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2017, chị Lê Thị Mỹ C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp P thẩm chia đôi phần tài sản chung là căn nhà trên phần đất 149,7 m² trên đất tọa lạc ấp 3, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh vì chị cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng; về phần con chung chị yêu cầu được nuôi 01 cháu và không đồng ý cấp dưỡng; Yêu cầu được chia phần tiền thu hoạch mủ cao su từ tháng 5/2017 đến nay.

Ngày 10/10/2017, anh Dương Nghĩa S có đơn kháng cáo không đồng ý chia cho chị C 288.408.500 đồng, chỉ đồng ý chia cho chị C 180.000.000 đồng, yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi 02 con một lần và trừ vào tiền chị C được chia.

Ngày 16/10/2017 anh S có đơn kháng cáo bổ sung với nội D: Yêu cầu chị C anh S phải trả cho chị Dương Thị Lệ T số tiền 30 triệu đồng vợ chồng anh đã mượn để mua đất rẫy cao su; chị C anh S phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân H số

tiền 15 triệu đồng đã vay; không đồng ý chịu án phí và phí định giá căn nhà vì là tài sản của cha mẹ.

Tại phiên tòa P thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội D: Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của chị C, một phần kháng cáo của anh S; Sửa bản án sơ thẩm; chia đôi giá trị tài sản là phần đất diện tích 149,7m² và căn nhà, tài sản trên đất, 400 cây cao su; phần đất diện tích 10.018,2m² chia cho anh S hưởng 2/3, chị C hưởng 1/3; Giao anh S nhận nhà đất, tài sản trên đất, anh S giao cho chị C phần giá trị chị C được hưởng bằng tiền; giữ nguyên bản án sơ thẩm về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa P thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và Kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Tại phiên tòa P thẩm, các đương sự giữ nguyên yêu cầu kháng cáo:

1.1. Về hôn nhân: Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Mỹ C đối với anh Dương Nghĩa S.

Chị C, anh S chấm dứt quan hệ vợ chồng.

Anh S, chị C không kháng cáo nên không xét.

1.2. Về con chung: Cấp sơ thẩm giao cho anh Dương Nghĩa S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung. Chị C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.300.000 đồng (mỗi cháu 650.000 đồng/tháng) đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

Chị C kháng cáo yêu cầu nuôi cháu Dương Trọng K.

Xét thấy anh S, chị C đều là công nhân, anh C có mức lương 6.500.000 đồng/tháng nhưng cấp sơ thẩm giao cả 02 con chung cho anh S nuôi dưỡng, chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 2 cháu là không phù hợp. Do đó, để cho hai cháu có điều kiện sinh sống, phát triển bình thường, chị C thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con nên cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của chị C, chị C được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Trọng K, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Do chấp nhận kháng cáo của chị C được nuôi dưỡng cháu Dương Trọng K, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con nên không chấp nhận kháng cáo của anh S yêu cầu chị C phải cấp dưỡng một lần.

1.3. Về chia tài sản chung:

Anh Dương Nghĩa S kháng cáo chỉ đồng ý chia cho chị C số tiền 180.000.000 đồng vì tài sản có phần đóng góp rất lớn của cha, mẹ anh, để anh S có đủ khả năng nuôi cha, mẹ già và hai con.

Chị C yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung, trong đó có giá trị căn nhà, tài sản trên phần đất 149,7 m² trên đất tọa lạc ấp 3, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Phần đất diện tích 10.399 m² (đo đạc thực tế là 10.018,2m²) thuộc thửa số 200, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại Ấp 3, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01292 cấp ngày 10/7/2007 do anh S, chị C đứng tên có giá trị 210.382.200 đồng, có nguồn gốc do anh S nhận chuyển nhượng trước khi kết hôn với chị C nên chia cho anh S nhiều hơn (60%), anh S hưởng 126.229.200 đồng, chị C hưởng (40%) là 84.153.000 đồng.

- 400 cây cao su 10 năm tuổi có giá trị 160.000.000 đồng, do anh chị trồng nên chia mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị, anh S hưởng 80.000.000 đồng, chị C hưởng 80.000.000 đồng.

- Phần đất diện tích 149,7 m² thuộc thửa số 337, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại Ấp 3, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh do anh S và chị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00465 cấp ngày 12/10/2012 trị giá 198.434.800 đồng và căn nhà, tài sản trên đất trị giá 126.766.620 đồng. Tổng cộng 325.201.420 đồng.

Tại phiên tòa P thẩm, chị C cung cấp “Giấy bán nhà đất” do ông Th và bà L (là cha, mẹ ruột anh S) ký tên, lập ngày 02/4/2012 với nội D bán nhà đất cho vợ chồng anh S và chị C với giá 15 triệu đồng để lấy tiền uống thuốc. Thực tế sau đó đến ngày 12/10/2012 anh S, chị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa P thẩm, anh S xác nhận ”Giấy bán nhà đất” do cha, mẹ của anh lập.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/9/2017 (BL74, 75), ông Th và bà L đã xác nhận không tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thổ cư 149,7m². Ông bà chỉ yêu cầu giao nhà đất cho anh S để ông bà có chỗ ở.

Do đó, phần đất 149,7m², trên đất có căn nhà cấp 4B, máy che, nhà vệ sinh, bồn nước là tài sản chung của anh S, chị C. Chị C khai căn nhà do vợ chồng xây dựng là có cơ sở, phù hợp với lời khai của ông Th, bà L nêu trên nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị C yêu cầu được chia thêm $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà, tài sản trên đất, anh S được hưởng 162.600.710 đồng, chị C được hưởng 162.600.710 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nhu cầu sử dụng nhà đất, đã giao tài sản nhà đất cho anh S sở hữu, sử dụng, để ông Th và bà L có nhà ở, anh S giao giá trị tài sản cho chị C được hưởng là phù hợp. Tổng giá trị tài sản 695.583.620 đồng, anh S hưởng 368.829.910 đồng, chị C hưởng 326.753.710 đồng, anh S có nghĩa vụ giao cho chị C phần chị C được hưởng.

Anh S kháng cáo bổ sung (quá hạn) yêu cầu:

+ Chị C phải trả cho chị Dương Thị Lệ T số tiền 15 triệu đồng trong tổng số tiền 30 triệu mà vợ chồng anh đã vay để mua đất rẫy cao su. Tại cấp sơ thẩm, chị Dương Thị Lệ T đã khai đây là nợ riêng với anh S nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Tòa án cấp P thẩm không xem xét.

+ Chị C phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền 7.500.000 đồng, chị C xác định đây là nợ chung và đồng ý cùng anh S trả số tiền trên khi đến hạn. Đại diện Quỹ tín dụng nhân dân H có văn bản không yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này nếu có tranh chấp sẽ giải quyết sau.

Chị C kháng cáo có yêu cầu được chia phần tiền thu hoạch mủ cao su từ tháng 5/2017 đến nay. Do đơn khởi kiện, hòa giải ở Tòa án cấp sơ thẩm, chị C không có yêu cầu này, tại phiên tòa phúc thẩm chị C có yêu cầu như trên là vượt quá yêu cầu khởi kiện, do đó Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét, chị C có thể khởi kiện ở vụ án khác.

[2] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh S hưởng tài sản có giá trị 368.829.910 đồng nên phải chịu án phí là 18.441.000 đồng, chị C hưởng 326.753.710 đồng nên chị phải chịu 16.337.000 đồng. Chị C, anh S không phải chịu án phí dân sự P thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ vào các Điều 59, 62, 81, 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Lê Thị Mỹ C, của anh Dương Nghĩa S.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Về con chung: Anh Dương Nghĩa S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Trọng K1 sinh ngày 18/8/2006.

Chị Lê Thị Mỹ C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Dương Trọng K sinh ngày 24/02/2005. Anh S có nghĩa vụ giao cháu Dương Trọng K cho chị C.

Chị Lê Thị Mỹ C, anh Dương Nghĩa S không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị C, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

2. Về tài sản:

- Tài sản riêng: Không có.

- Tài sản Chung:

Anh Dương Nghĩa S được hưởng toàn bộ tài sản gồm:

+ Quyền sử dụng đất diện tích $149,7 \text{ m}^2$ thuộc thửa số 337, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại Ấp 3, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh do anh S và chị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00465 cấp ngày 12/10/2012 trị giá 198.434.800 đồng (một trăm chín mươi tám triệu bốn trăm ba mươi bốn ngàn tám trăm đồng) và 01 căn nhà cấp 4B diện tích 87m^2 , tài sản trên đất là mái che diện tích 28m^2 , nhà vệ sinh 5m^2 , 01 bồn nước inox (loại 1.000 lít), trị giá 126.766.620 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm hai mươi đồng).

Phần đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp ông Đào Phùng dài $5,5\text{m} + 3,5\text{m} + 21,95\text{m}$.

Hướng Tây giáp chị Dương Thị Thu Tr dài $5,5\text{m} + 3,5\text{m} + 21,95\text{m}$.

Hướng Nam giáp nương Nông trường cao su Bến Củi dài $5,0\text{m}$

Hướng Bắc giáp đường đất sét – Bến Củi dài $5,0\text{m}$

+ Quyền sử dụng đất diện tích 10.399 m^2 (đo đạc thực tế là $10.018,2\text{m}^2$) thuộc thửa số 200, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại Ấp 3, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01292 cấp ngày 10/7/2007 và 400 cây cao su trị giá 370.382.200 đồng (ba trăm bảy mươi triệu ba trăm tám mươi hai ngàn hai trăm đồng).

Phần đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa 32 dài $56,07\text{m} + 33,8\text{m} + 29,16\text{m} + 11,63\text{m}$, suối ông Hùng dài $15,08\text{m} + 13,21\text{m} + 14,44\text{m}$.

Hướng Tây giáp thửa 29 dài $106,06\text{m} + 25,64\text{m} + 30,3\text{m} + 30,24\text{m}$.

Hướng Nam giáp nương dài $25,95\text{m} + 5,53\text{m}$, suối ông Hùng dài $9,49\text{m} + 15,61\text{m} + 8,63\text{m} + 8,71\text{m}$.

Hướng Bắc giáp nương dài $40,26\text{m} + 1,66\text{m}$.

Tổng trị giá tài sản là 695.583.620 đồng (sáu trăm chín mươi lăm triệu năm trăm tám mươi ba ngàn sáu trăm hai mươi đồng).

Anh S được hưởng 368.829.910 đồng, chị C hưởng 326.753.710 đồng.

Anh S có trách nhiệm giao giá trị tài sản chị C được hưởng là 326.753.710 đồng (ba trăm hai mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi ba ngàn, bảy trăm mười ngàn đồng).

Các tài sản vật dụng gia đình ghi nhận chị C, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Dương Nghĩa S và chị Lê Thị Mỹ C có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục sang tên theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự .

3. Chi phí đo đạc, định giá: Anh Dương Nghĩa S và chị Lê Thị Mỹ C phải chịu 8.000.000 đồng. Chị C và anh S mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền. Ghi nhận chị C đã nộp tạm ứng số tiền trên nên anh S phải có trách nhiệm giao lại cho chị C số tiền 4.000.000 đồng.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

+ Chị Lê Thị Mỹ C phải chịu: 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình; 16.337.000 đồng án phí chia tài sản.

Tổng cộng là 16.637.000 đồng (mười sáu triệu, sáu trăm ba mươi bảy ngàn đồng). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị C đã nộp theo biên lai số 0015313 ngày 01/6/2017; khấu trừ 8.750.000 đồng theo biên lai số 0015312 ngày 01/6/2017; khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí P thẩm chị C đã nộp tại biên lai thu số 0015763 ngày 05/10/2017, các biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị C còn phải nộp 7.587.000 đồng (bảy triệu, năm trăm tám mươi bảy ngàn đồng) tiền án phí.

+ Anh Dương Nghĩa S phải chịu án phí chia tài sản là 18.441.000 đồng. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí P thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0015793 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Anh S còn phải nộp 18.141.000 (mười tám triệu, một trăm bốn mươi một ngàn) đồng tiền án phí.

- Án phí P thẩm: Anh S, chị C không phải chịu.

5. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử P thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tông